

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 133/2024/DS-PT

Ngày: 11-9-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Bà Lê Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 312/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T, sinh năm: 1974; cư trú tại số G, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Thanh V, sinh năm: 1964, ông Nguyễn N, sinh năm: 1964; cư trú tại thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Mỹ N1, sinh năm: 1988; cư trú tại 312/51/5 xã N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2023)

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Mỹ N1 – Đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

(Bà T, bà N1 có mặt tại phiên tòa; bà V, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2023, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T trình bày: Vào ngày 06/6/2022 bà có cho bà Huỳnh Thị Thanh V, ông Nguyễn N vay số tiền 7.500.000.000đ, khi vay tiền bà V, ông N có viết giấy mượn tiền và ký tên, mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, ngày 7/6/2022 bà V, ông N trả cho bà số tiền 4.500.000.000đ. Bà V, ông N ghi ngày 11/6, còn nợ bà số tiền 3.000.000.000đ, từ đó đến nay bà V, ông N không trả nợ cho bà dù bà đòi nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà V, ông N trả cho bà nợ gốc 3.000.000.000đ và lãi xuất chậm trả là 408.000.000đ. Trong giấy mượn tiền bà có xác nhận bà V, ông N còn nợ 3.000.000.000đ đề nghị ông bà trả số tiền còn lại vào ngày 12/6/2022, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

- Theo bản tự khai, bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh V, ông Nguyễn N trình bày: Vợ chồng ông bà có vay bà T số tiền là 7.500.000.000 đồng. Ngày 06/6/2022 vợ chồng bà đã vay ngân hàng 4.500.000.000 đồng trả cho bà T, còn nợ lại 3.000.000.000 đồng, vợ chồng bà đã giao cho bà T một miếng đất tại L, xã L với giá 4.500.000.0000 đồng. Vì bà trả lãi cho bà T không nổi phải cần đất cho bà T. Diện tích đất là 4,3 sào. Bà Đặng Thị Mỹ N1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày, ngày 18/10/2022 ông N, bà V có chuyển nhượng cho bà T lô đất tọa lạc tại thôn L, xã L giá 4.500.000.000đ trừ vào số tiền 3.000.000.000đ tiền nợ, số tiền còn dư bà T trả lại cho ông N, bà V qua tài khoản ngân hàng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/10/2022, có giá chuyển nhượng 2.100.000.000đ là ghi thấp xuống so với mua bán thực tế để đóng thuế cho nhà nước ít lại. Ngày 03/4/2024 bà N1 yêu cầu Tòa án thẩm định giá diện tích đất chuyển nhượng để có thêm chứng cứ chứng minh đã cần trừ nợ. Như vậy, ông N, bà V đã cần trừ nợ xong nay bà Thương yêu c đòi số nợ 3.000.000.000đ, ông N, bà V không đồng ý trả. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 27/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh V, ông Nguyễn Nghĩa .

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh V, ông Nguyễn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/7/2024 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 03/QĐKN-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương kháng nghị đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị. Bà N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà T không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; theo Văn bản ủy quyền thì bị đơn có ủy quyền cho bà N1 được quyền kháng cáo. Do đó, đơn kháng cáo của bà N1, kháng nghị của Viện kiểm sát; người kháng cáo, kháng nghị và thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương thì thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện, thông báo thụ lý vụ án là bản phô tô (BL số 07), việc sắp xếp hồ sơ không theo thứ tự ngày tháng năm, giấy tờ tài liệu có trước thì để dưới, giấy tờ tài liệu có sau thì để ở trên là không đúng theo quy định tại Điều 204 Bộ luật Tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc nghiên cứu hồ sơ nên cần rút kinh nghiệm. Chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án không đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS “*Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận*”. Trong khi nguyên đơn cho rằng tại giai đoạn sơ thẩm đã nộp bản chính “Giấy mượn tiền” cho thẩm phán nhưng trong hồ sơ không có bản chính “Giấy mượn tiền”, chỉ có bản phô tô có

xác nhận của thẩm phán là đã đối chiếu bản chính (BL số 40) và cũng không có Biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền”.

Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận ngày 06/6/2022 bà T có cho vợ chồng ông N, bà V vay số tiền 7.500.000.000đ, thời hạn vay ghi sẽ trả trong thời hạn ngắn nhất. Hai bên có lập văn bản là giấy viết tay do bà V viết và có chữ ký của ông N, bà V. Đến ngày 07/6/2022 thì vợ chồng ông N, bà V đã trả cho bà T số tiền 4.500.000.000đ và bà T cũng xác nhận tại mặt sau giấy mượn tiền ngày 06/6/2022, bị đơn còn nợ 3.000.000.000đ.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà V trả số tiền 3.000.000.000đ thì bị đơn cho rằng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 4.332m², thửa số 280, 283, 281, tờ bản đồ số 11 tại thôn L, xã L với giá là 4.500.000.000đ để cản trừ nợ, trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đứng tên bà T. Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì đã huỷ giấy vay mượn bản chính nên hiện nay không còn bản chính. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền 3.000.000.000đ thì đại diện bị đơn yêu cầu được tiếp cận chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền”. Mặt khác, đại diện bị đơn chỉ thừa nhận trước đây có mượn của nguyên đơn số tiền 7.500.000.000đ, đã trả 4.500.000.000đ, còn nợ là 3.000.000.000đ và bị đơn đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nguyên đơn để cản trừ nợ nên bị đơn không còn nợ nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng số tiền nợ 3.000.000.000đ thì ngày 26/4/2022 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 500.000.000đ là 300.000.000đ tiền mặt và 200.000.000đ chuyển khoản vào tài khoản của bà T. Còn lại 2.500.000.000đ thì hai bên thỏa thuận bị đơn chuyển nhượng diện tích 4.332m², thửa số 280, 283, 281, tờ bản đồ số 11 tại thôn L, xã L với giá là 4.500.000.000đ để cản trừ nợ. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp ngân hàng nên nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn số tiền 2.000.000.000đ để lấy sổ đỏ ra và các bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nên không còn nợ nguyên đơn.

Nguyên đơn không đồng ý mà cho rằng diện tích đất chuyển nhượng không liên quan đến khoản nợ trên. Giá chuyển nhượng đất chỉ 2.100.000.000đ, đúng giá ghi trong hợp đồng chuyển nhượng. Vì thời điểm đó bị đơn vay ngân hàng 2.500.000.000đ nhưng không có tiền trả ngân hàng nên nguyên đơn đồng ý mua đất của bị đơn. Do tài khoản của nguyên đơn lúc đó chỉ có 2.000.000.000đ nên đã chuyển khoản cho bị đơn 2.000.000.000đ, số tiền còn lại nguyên đơn đưa cho bị đơn 500.000.000đ thì mới đủ tất toán với ngân hàng, lấy sổ đỏ ra để thực hiện việc chuyển nhượng. Đến nay bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn 400.000.000đ. Nội dung tin nhắn điện thoại phía bị đơn cung cấp là ông N, bà V đòi thừa đất đã chuyển nhượng là 4.500.000.000đ.

Đại diện bị đơn lại cho rằng các thửa đất nguyên đơn nhận chuyển nhượng của bị đơn chỉ thế chấp vay ngân hàng 2.000.000.000đ. Còn các thửa đất thế chấp vay ngân hàng 2.500.000.000đ là các thửa đất khác đến nay vẫn chưa trả ngân hàng.

Như vậy, lời trình bày của các bên đương sự còn nhiều mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ và chưa thu thập các chứng cứ tại ngân hàng để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung, chưa xác minh thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thị Mỹ N1 - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh V; chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[3] Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn đã nộp, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thị Mỹ N1 - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh V; chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

2. Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn đã nộp, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh V số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002596 ngày 30/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đơn Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương (01)
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt